

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số : 05/BANKFOOD/2019

**TÊN SẢN PHẨM**

**THỰC PHẨM BỔ SUNG**

***VIÊN KẸO C- SỮA ONG CHÚA***

**DANH MỤC HỒ SƠ ĐÍNH KÈM**

- 1. BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM***
- 2. NỘI DUNG GHI NHÃN***
- 3. PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM***

**THƯỜNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM HÀNG HÓA**

**TÊN CÔNG TY : CÔNG TY TNHH BANKFOOD**

*Địa chỉ : 34 Đường 16 , Ấp 5 Xã Phong Phú , Huyện Bình Chánh ,  
Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.*

TP.Hồ Chí Minh , Tháng 11 Năm 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 05/BANKFOOD/2019

### **I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH BANKFOOD

Địa chỉ: 57 đường số 4, Khu dân cư Bình Hưng, xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh,  
Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0946 430 470 Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0313550890

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 5558/2019/ATTP-CNĐK, Ngày  
Cấp: 24/10/2019, Nơi cấp: Ban Quản Lý An Toàn Thực Phẩm Thành phố Hồ Chí  
Minh.

### **II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **THỰC PHẨM BỔ SUNG: VIÊN KẸO C- SỮA ONG CHÚA**
2. Thành phần: Đường saccharose, tinh bột năng, đường glucose, Vitamin C 0,5%, L-Lysine 0,5%, Taurin 0,5%, chất điều chỉnh độ acid (Acid citric - E330), sữa ong chúa 0,5%, chất làm dày (Bột Talc - E553(iii), Magnesi sterat - E470(iii)), màu tổng hợp (Caramel nhóm I - E150a, Sunset yellow FCF - E110, Tartrazin - E102, Allura red AC - E129), chất bảo quản (Natri benzoat - E211). Hương Sữa, Hương Cam, Hương Vani, Hương Sữa Ong Chúa.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất được xem trên bao bì sản phẩm.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì sản phẩm:
  - Sản phẩm được đựng trực tiếp trong túi nhựa PE, chai nhựa PET/PP/PE/PS, hộp giấy, vỉ nhôm, túi nhôm, túi giấy. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
  - Khối lượng tịnh: 10g/hộp/túi/vỉ - 20g/hộp/túi/vỉ - 50g/hộp/túi/vỉ- 10g/chai - 20g/chai - 50g/chai - 2,5kg /túi - 12,5 kg/túi hoặc khối lượng tịnh theo yêu cầu của khách hàng được thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm.
5. Tên công ty sản xuất:





Số/ No: 15906 1911/KQ

Mã số/ Code: 2603 1911VT2

Mã số mẫu/ Sample code: 9748 1911VT2

Trang/ Page: 1/ 2



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

**Tên khách hàng/ Client** : CÔNG TY TNHH BANKFOOD  
**Địa chỉ/ Address** : 57 đường số 4, khu dân cư Bình Hưng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. HCM  
**Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 22/11/2019 **Ngày trả kết quả/ Date of issue** : 29/11/2019  
**Loại mẫu/ Kind of sample** : Kẹo **Số lượng mẫu/ Quantity of sample** : 01 mẫu  
**Tên mẫu/ Name of sample** : THỰC PHẨM BỔ SUNG: VIÊN KẸO C - SỮA ONG CHỨA  
**Tình trạng mẫu/ State of sample** : Mẫu đựng trong bao bì kín



STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) <sup>(1)</sup>	TCVN 4884 – 1: 2015 (ISO 4833 – 1: 2013)	6,0x10 <sup>1</sup>	CFU/g
2	Coliforms (*) <sup>(1)</sup>	TCVN 6848 : 2007 (ISO 4832 : 2006)	Không phát hiện (LOD=10)	CFU/g
3	<i>E. coli</i> (*) <sup>(1)</sup>	TCVN 7924 – 3 : 2017 (ISO 16649 – 3 : 2015)	0	MPN/g
4	<i>B. cereus</i> (*) <sup>(1)</sup>	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)	CFU/g
5	<i>S. aureus</i> (*) <sup>(1)</sup>	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)	CFU/g
6	<i>C. perfringens</i> (*) <sup>(1)</sup>	TCVN 4991 : 2005 (ISO 7937 : 2004)	Không phát hiện (LOD=10)	CFU/g
7	Tổng số nấm men, nấm mốc (*) <sup>(1)</sup>	TCVN 8275 – 2 : 2010 (ISO 21527 – 2 : 2008)	Không phát hiện (LOD=10)	CFU/g
8	Cadimi (Cd) (*) <sup>(1)</sup>	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD=0,0015)	mg/kg
9	Chì (Pb) (*) <sup>(1)</sup>	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD=0,01)	mg/kg
10	Arsen (As) (*) <sup>(1)</sup>	AOAC 986.15	Không phát hiện (LOD=0,05)	mg/kg



# Việt Tín

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

VIỆT TÍN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu 1: 39A, Đường số 4, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP. HCM

Laboratory & Office 1 : 39A, 4<sup>th</sup> street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, Ho Chi Minh city

VP Nhận mẫu 2 : 224 Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Office 2 : 224 Dien Bien Phu, ward 7, district 3, Ho Chi Minh city

Tel : (028) 39158936, (028) 3827 7986

Fax : (028) 3824 7013

Email : ktclviettin@gmail.com

Web : kiemnghiemviettin.com

Số/ No: 15906 1911/KQ

Mã số/ Code: 2603 1911VT2

Mã số mẫu/ Sample code: 9748 1911VT2

Trang/ Page: 2/ 2



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
11	Thủy ngân (Hg) <sup>(*) (l)</sup>	AOAC 974.14	Không phát hiện (LOD=0,05)	mg/kg
12	Aflatoxin B1	TCVN 9522 : 2012	Không phát hiện (LOD=1)	µg/kg
13	Aflatoxin B1B2G1G2	TCVN 9522 : 2012	Không phát hiện (LOD=1)	µg/kg

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *The results are valid only for testing sample.*

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ *Name of samples as the client's requirement.*

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Time- limit of storage: 5 days from reporting date.*

LOD: Giới hạn phát hiện / *LOD: Limit of Detection.*

(\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ *Items was accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).*

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ *(s/c): Items are tested by subcontractor.*

(l): Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Y Tế / *Items were designated by Ministry of Health.*

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG  
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trương

GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR



ThS. Nguyễn Văn Tâm